



MỘT SỐ YẾU TỐ CƠ BẢN QUYẾT ĐỊNH ĐẾN HÌNH THÁI QUY HOẠCH VÀ KIẾN TRÚC TRUYỀN THỐNG BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Sỹ Quế¹

Tóm tắt: Nước Việt Nam có 3 vùng miền có điều kiện tự nhiên (ĐKTN), kinh tế - xã hội (KT - XH) khác nhau, dẫn đến hình thái quy hoạch và kiến trúc truyền thống khác nhau đã tồn tại bền vững qua hàng trăm năm. Việc nghiên cứu các yếu tố trên là rất cần thiết, sẽ giúp cho việc đánh giá, so sánh làm cơ sở bảo tồn, phát triển hình thái quy hoạch và kiến trúc truyền thống nước ta.

Từ khóa: Hình thái quy hoạch (HTQH); kiến trúc truyền thống (KTTT); bền vững; văn hóa kiến trúc; văn hóa vùng miền.

Summary: Vietnam can be divided into three regions with different natural and socio-economic conditions which have resulted in different planning morphologies and traditional architectural styles over centuries. It is necessary to study these elements and conditions, because they help to evaluate these factors and compare them with one another as the bases for the conservation and development of planning morphology and traditional architecture in Vietnam.

Keywords: Planning morphology; traditional architecture; sustainability; architectural culture; regional culture.

Nhận ngày 16/10/2015, chỉnh sửa ngày 30/10/2015, chấp nhận đăng 10/11/2015



1. Mở đầu

Văn hóa kiến trúc (VHKT) chính là văn hóa vùng miền (VHVM), bởi chính nó thể hiện tính đặc trưng về cách ứng xử tốt nhất phù hợp với ĐKTN, KT - XH từng vùng miền đó. Nước Việt Nam với ba miền Bắc - Trung - Nam, phía Đông giáp biển, phía Tây tựa dãy Trường Sơn. Cả nước có 54 dân tộc anh em chung sống dưới mái nhà yên bình hình chữ S thân thương với chiều dài hơn 3000km. Mỗi vùng miền có hoàn cảnh tự nhiên, kinh tế và xã hội khác nhau. Chính đây là các yếu tố cơ bản quyết định cho sự hình thành và phát triển HTQH và KTTT tồn tại và bền vững qua hàng ngàn năm nay, nhằm giúp cho chúng ta làm cơ sở khoa học trong việc nghiên cứu và thiết kế kiến trúc cho phù hợp với từng vùng miền của Việt Nam.



2. Một số yếu tố tác động ảnh hưởng

2.1 Điều kiện tự nhiên

2.1.1 Vùng Bắc Bộ

Vùng Bắc Bộ có điểm đầu là Hà Giang và điểm cuối là Ninh Bình. Vùng được chia ra 2 khu vực riêng biệt bởi sự ngăn cách của dãy Hoàng Liên Sơn và dòng sông Hồng hùng vĩ là Đông Bắc Bộ và Tây Bắc Bộ.

Đông Bắc Bộ, phía Đông giáp biển Đông và phía Tây giáp sông Hồng và dãy Hoàng Liên Sơn. Vùng này có địa hình núi cao, địa mạo phức tạp đa dạng và hiểm trở, chuỗi dần độ cao từ hướng Tây và Bắc ra biển. Đặc biệt dòng sông Hồng mỗi năm bồi đắp cho hai bên sông hàng tỷ khối đất phù sa màu mỡ và bồi đắp cho miền Duyên hải hàng trăm mét dài từ cửa sông ra biển. Ngoài ra vùng này có hệ sinh thái đồi núi rất có giá trị. Chính yếu tố này mà vùng Đồng bằng Bắc Bộ vừa có vùng núi cao, gò đồi Trung du; vùng Đồng bằng Châu thổ sông Hồng và vùng ven Biển. Vùng này có gió mát chủ đạo hướng Đông - Nam nhưng chịu nhiều ảnh hưởng của gió mùa Đông - Bắc và bão lụt. Vùng này rất đa dạng về hệ sinh thái ao, hồ, sông nước như: Hệ sinh thái làng xã châu thổ; Hệ sinh thái quai đê, lấn biển [2].

¹TS, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch. Trường Đại học Xây dựng.

Tây Bắc Bộ hiện nay là một trong 3 vùng phía Tây quan trọng bậc nhất của cả nước, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Nam giáp Thanh Hóa, phía Đông giáp dãy Hoàng Liên Sơn và phía Tây giáp Lào. Địa hình vùng này đồi núi cao, mật độ nhiều núi nên giao thông đi lại khó khăn, khu vực này ít rét chịu một phần của gió Tây và gió Lào tràn sang. Nên có nhiều nơi nắng nóng cục bộ diễn ra và xảy ra cháy rừng ở nhiều nơi.

Yếu tố tự nhiên ở vùng Bắc Bộ đã tác động và tạo nên HTQH, KTTT rất đa dạng và chặt chẽ, có nhiều giá trị văn hóa.

2.1.2 Vùng Trung Bộ

Vùng Trung Bộ giới hạn điểm đầu là Thanh Hóa và điểm cuối là Bình Thuận. Vùng được chia ra 4 khu vực khác nhau do sự ngăn cách của đèo Hải Vân và độ chênh về độ cao giữa khu vực duyên hải và Tây Nguyên.

Bắc Trung Bộ trải dài từ Thanh Hóa cho đến Hải Vân, phía Bắc giáp Ninh Bình, phía Nam giáp Đà Nẵng, phía Đông giáp Thái Bình Dương, phía Tây giáp dãy Trường Sơn là nóc nhà chung của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Vùng này nhiều núi cao đất hẹp, đa dạng về địa hình địa mạo và động thực vật. Phía Bắc có nhiều sông lớn, dài hàng trăm cây số như: sông Chu, sông Mã, sông Lam (Cả), sông La, sông Gianh, sông Hương... cùng mật độ rừng nhiều và giàu khoáng sản, nhưng lại chịu ảnh hưởng khắc nghiệt của gió to, bão lớn và đặc biệt là gió Lào (Phơn - Tây Nam) thổi sang gây nhiều bất cập cho cuộc sống dân sinh trong ăn, ở và sinh hoạt. Vùng này cũng có hệ sinh thái rất đặc biệt như rừng nguyên sinh và hệ đầm phá ở cửa biển trong đó đáng chú ý là rừng nguyên sinh Phú Mát ở Nghệ An và hệ đầm phá Tam Giang ở Thừa Thiên Huế.

Còn vùng Trung và Nam Trung Bộ, vùng được giới hạn với điểm đầu là đèo Hải Vân và điểm cuối là Bình Thuận, vùng chia ra hai khu vực là Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Trung Trung Bộ có địa vực từ Đà Nẵng vào Phú Yên. Khu vực này được chia ra 2 địa vực khác nhau là Tây Nguyên và duyên hải, do có sự chênh nhau độ cao gần 500m tạo ra khu vực có khí hậu khác nhau và môi trường sinh thái khác nhau. Tây Nguyên còn gọi là cao nguyên phía Tây, phía Bắc giáp Quảng Nam, Đà Nẵng, phía nam giáp Đông Nam Bộ, phía đông giáp duyên hải và phía Tây giáp Lào và Campuchia. Vùng có nhiều núi non, nhiều rừng sinh thái nguyên sinh, khí hậu ôn hòa, đất đỏ ba zan màu mỡ, nhiều động thực vật. Vùng Tây Nguyên có địa vị thể quan trọng là một trong ba vùng phía Tây được Đảng và Nhà Nước quan tâm nhất. Miền duyên hải phía bắc giáp Quảng Nam, phía Nam giáp Phú Yên, phía Tây giáp Tây Nguyên và phía Đông giáp biển. Nơi đây có nhiều chân núi và dãy Trường Sơn trườn ra gần biển tạo ra không gian mờ ảo lúc ẩn lúc hiện [2].

Còn khu vực Nam Trung Bộ giới hạn phía đầu là Phú Yên, điểm cuối là Bình Thuận. Đây là khu vực có hệ sinh thái núi rừng và sa mạc rất đặc biệt nên gây ra nắng nóng, ít mưa, xảy ra khô hạn. Nhìn chung vùng Trung và Nam Trung Bộ rất đa dạng về hệ sinh thái rừng, núi, sông ngòi như: sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Dinh, sông Pha, sông Đắc K Rông... Nhưng mỗi khi mưa nhiều phía dưới xuôi luôn có lũ lụt lớn tràn về gây nhiều bất lợi cho cuộc sống dân sinh. Ngoài ra, khu vực này ngoài biển Đông có 3 quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa thuộc 2 tỉnh Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Điều kiện tự nhiên, KT - XH ở vùng này tác động rất lớn đến sự hình thành HTQH, KTTT rất đặc sắc, giàu bản sắc văn hóa bản địa.

2.1.3 Vùng Nam Bộ

Nam Bộ giới hạn điểm đầu là Bình Thuận và điểm cuối là Cà Mau. Phía Bắc giáp Bình Thuận; phía Nam và phía Đông giáp biển, phía Tây giáp Campuchia. Vùng được chia thành 2 khu vực khác nhau, cách bởi con sông Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh là Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Đông Nam Bộ có nhiều núi cao, rừng rậm, có khu vực sinh khí quyển giàu động thực vật như rừng nguyên sinh Cát Tiên, hệ sinh thái biển Cần Giờ... Còn phía Tây Nam Bộ chủ yếu là đồng bằng có hệ sông ngòi chằng chịt và kênh tiêu thoát tốt như: kênh Vĩnh Tế, kênh Nguyễn Hữu Cảnh... Giao thông đi lại chủ yếu trên sông nước bởi hệ thống sông Cửu Long nhưng giàu hệ sinh thái rừng ngập mặn như: hệ sinh thái ngập mặn Tràm Chim, rừng Đước Cà Mau... Đây cũng là một trong 3 vùng trọng điểm phía Tây mà được Đảng và Nhà Nước rất quan tâm và được coi là "vựa thóc lớn nhất nước".

Khí hậu vùng này ôn hòa, mát mẻ, chỉ có hai mùa nóng lạnh nhưng lũ lụt thì luôn xảy ra. Yếu tố tự nhiên kết hợp với kinh tế ở vùng này đã tác động rất lớn đến sự ra đời HTQH, KTTT đa sắc tộc.

2.2 Điều kiện kinh tế

2.2.1 Vùng Bắc Bộ

Ở phía Đông các dân tộc khác ở vùng cao, hoạt động kinh tế chủ yếu là ruộng, nương, đánh bắt khai thác động thực vật, hải sản tự nhiên. Còn ở vùng xuôi hoạt động kinh tế của người Kinh đa dạng và đặc trưng hơn cả, chính họ đã cho ra đời nền văn minh lúa nước sông Hồng cách đây hơn 4000 năm (2879 TCN) cho đến những năm gần đây. Phạm trù văn minh văn hóa vẫn thuộc văn minh lúa nước, văn hóa xóm làng và dân dã [1].

Còn ở phía Tây, do có nhiều vùng sâu, vùng xa, vùng hiểm trở có nhiều dân tộc ít người sinh sống, tập tục canh tác lạc hậu nên hoạt động kinh tế chủ yếu là nương rẫy, du canh, du cư, đốt nương làm rẫy, đánh bắt động vật, khai thác rừng tự nhiên... Còn người Kinh chủ yếu hoạt động kinh tế đa dạng nhất, phù hợp với địa vực.

2.2.2 Vùng Trung Bộ

Ở phía Bắc, khu vực giáp với dãy Trường Sơn và vùng rẻo cao miền núi của các dân tộc ít người, kinh tế truyền thống chủ yếu là ruộng nương, chọc, tía, đốt rẫy... phụ thuộc vào rừng tự nhiên. Còn ở các vùng Trung và Hạ lưu các con sông, hoạt động kinh tế truyền thống và hội nhập rất đa dạng, nhưng chủ yếu cũng dựa trên nền tảng là lúa nước. Bên cạnh đó rất nhiều nghề truyền thống, nhưng vẫn sản xuất theo kiểu manh mún, nhỏ lẻ, tự phát...

Ở vùng Trung và Nam Trung Bộ, vùng được coi là "khúc ruột miền Trung", nền kinh tế xưa nay là tự cung, tự cấp, manh mún, thụ động dựa vào điều kiện tự nhiên. Phía Tây Nguyên hoạt động kinh tế chủ yếu là nương rẫy gần đây có cây công nghiệp như cao su, cà phê, mắc ca, hồ tiêu, chế biến gỗ... Còn phía xuôi hoạt động kinh tế đa dạng như nông nghiệp trồng màu, hoa quả (thanh long, dưa hấu) đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản, động vật, chế biến hải sản, chế biến nước mắm nổi tiếng.

2.2.3 Vùng Nam Bộ

Ở vùng phía Đông, nền tảng của phát triển kinh tế xưa nay là vừa trồng cao su, ca cao, cây điều, vừa đánh bắt, nuôi trồng, chế biến hải sản, chế biến nước mắm nổi tiếng...

Còn phía Tây, chủ yếu là canh tác lúa, màu, trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến nước mắm, buôn bán trên sông với những chợ nổi tiếng như chợ nổi Phụng Hiệp, Ninh Kiều... Các sản phẩm hoa quả như thanh long, dưa hấu, dừa... rất được ưa chuộng ở trong nước và quốc tế.

2.3 Điều kiện xã hội

2.3.1 Vùng Bắc Bộ

Ở phía Đông, vùng Đồng bằng Bắc Bộ hội tụ nhiều dân tộc anh em nhất. Vùng này người Kinh chiếm đại đa số, họ có mặt khắp nơi, nhưng tập trung đông nhất ở miền đồng bằng ven biển và Trung du Bắc Bộ. Kể đến là dân tộc Tày - Nùng, cư ngụ chủ yếu theo các con sông, suối ở phía Bắc. Ngoài ra còn có các dân tộc ít người khác như: Dao, Cao Lan, Sán Chỉ, Sán Dìu, sống phân bố cư trú ở miền núi Duyên hải và gần phía Bắc. Đặc biệt vùng này hầu như không có người Mông, Thái. Là vùng được coi là "Cái nôi" của nền văn minh Việt cổ, hiện vẫn lưu giữ và phát huy nhiều văn hóa đặc sắc: sinh thái, tâm linh, tín ngưỡng, phong tục tập quán. Bên cạnh đó còn có nhiều hủ tục, mê tín, dị đoan của một số dân tộc ít người vẫn còn tồn tại có ảnh hưởng rất lớn đến cách quản cư và xây dựng KTTT.

Còn vùng phía Tây, là vùng đa sắc tộc, văn hóa đặc sắc còn lưu giữ cho đến ngày nay. Ở các vùng thượng lưu sông Đà như các dân tộc Mông, Thái, La Hủ, Nhắng, Hà Nhì, ... và ở phía xuôi hạ lưu sông Đà có dân tộc Mường. Các dân tộc này cùng dân tộc Kinh tạo ra bản sắc văn hóa dựa trên tập tục tín ngưỡng tâm linh... đã có từ xa xưa mà đã tạo ra nơi ăn, chốn ở vô cùng bí ẩn, giàu cảm xúc.

Tại vùng này phát triển dân số và dân cư không đồng đều, mật độ dân số cao tập trung ở miền xuôi, còn miền núi thì rất ít.

2.3.2 Vùng Trung Bộ

Ở phía Bắc là vùng giao thoa giữa xứ Đàng Trong và Đàng Ngoài [2], cũng là nơi luôn xảy ra các cuộc chiến tranh liên miên, kéo theo các dòng người từ phía Bắc và phía Nam ra, tộc người Chăm (Chiêm Thành)

ra đánh phá; hoặc vì một lý do nào đó mà họ có mặt nơi đây từ lâu, thậm chí có cả những cự tộc giàu có, tài ba từ Trung Quốc do chống đối lại chính quyền; hoặc cự tuyệt đi chiến tranh... bị đẩy ải sang vùng viễn biên này rồi cộng cư với nhau mà thành dân bản địa. Họ là người cứng cỏi, không dễ khuất phục, có lòng tự trọng cao... Các dòng tộc này chủ yếu cư ngụ trung, hạ lưu các con sông và các vùng đồng bằng, ven biển. Còn các tộc người khác cư ngụ chủ yếu trên các vùng núi.

Vùng Trung và Nam Trung Bộ là nơi giao thoa hội tụ nhiều dân tộc anh em, đặc sắc văn hóa nhất. Phía Bắc Trung Bộ và miền duyên hải chủ yếu là người Kinh từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh theo chúa Nguyễn Phúc Lan đến lập nghiệp làm phen đậu bảo vệ nước Đại Việt (1628). Phía Tây Nguyên và phía Nam Trung Bộ là địa vực sinh sống của các tộc người đến từ Đan đảo của các nước Indonesia, Malaysia như: Ê Đê, Đắc K rông, Rê Chiêng, Gia Lai, Chăm... Mỗi tộc người có tập tục phương thức sống khác nhau, tín ngưỡng tâm linh khác nhau, do đó họ tạo ra cách quần cư và nơi ở, KTTT khác nhau rất giàu bản sắc văn hóa bản địa...

Đây là vùng có tỷ lệ phát triển dân số thấp, mật độ dân số cao chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển. Đây cũng là nơi được gọi là “Địa linh nhân kiệt”.

2.3.3 Vùng Nam Bộ

Là vùng đa sắc tộc, chủ yếu là người Kinh từ miền Bắc miền Trung vào đây theo nhà doanh điền, khai kênh, lập ấp Nguyễn Hữu Cảnh thời vua Tự Đức (1827). Cạnh đó là dân tộc Khơ Me (Chân Lạp) cùng chung sống, có văn hóa riêng, phong tục tập quán, tín ngưỡng riêng và rất giàu bản sắc dân tộc. Đây là vùng có tỷ lệ phát triển dân số và mật độ dân số cao nhất của cả nước, phân bố dân cư tương đối đồng đều.



3. Hình thái cấu trúc cư trú và nhà ở truyền thống

3.1 Vùng Bắc Bộ

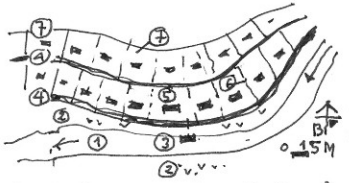
3.1.1 Hình thái quy hoạch

Ở các vùng cao, vùng xa, vùng sâu, các dân tộc ít người có phương thức sống và định canh định cư khác nhau: người Mán theo sương (sương động chỗ nào lập bản chỗ đó); người Mông theo khói (đốt rẫy phát quang để lập bản); người Thái, Tày, Nùng theo con nước (khe, suối chỗ nào là họ lập làng theo đó); người Nhì, Nhắng, La Hủ theo lá (lá chuối ngã màu vàng là họ bỏ làng cũ đi lập làng mới); người Dao theo cây (cây thuốc chỗ nào có là họ lập bản chỗ đó)... Bản làng của họ tổ chức thiết chế xã hội chủ yếu theo dòng họ và quản trị. Ông trưởng họ quyết định hướng và quy mô bản cũng như vị trí bản. HTQH mềm mại theo địa hình, đường đồng mức, cấu trúc làng bản đơn giản, còn KTTT chủ yếu là nhà sàn, nhà nửa sàn nửa trệt và nhà trệt.

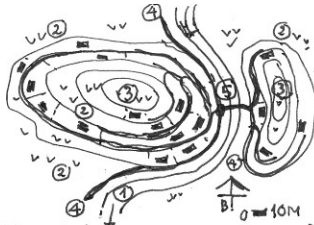
Riêng người Kinh có cách quần cư rất đa dạng: ở vùng trung du, họ lập làng trên đồi, giữa đồi, chân đồi. Các đồi, gò có độ cao và trung bình có hình bát úp, hình yên ngựa theo đường đồng mức, bao quanh đồi tạo ra làng xóm theo hình vành khăn. HTQH rất nên thơ, cấu trúc quy hoạch theo đường nhánh cây uốn lượn mềm mại... Ở vùng đồng bằng họ lập làng theo mạng lưới cấu trúc giao thông ô cờ đường làng, ngõ xóm... dựa trên thiết chế tổ chức xã hội rất chặt chẽ: lập làng theo dòng họ; lập làng theo ngõ xóm; lập làng theo phường hội; lập làng theo khoa bảng và lập làng theo tự nguyện, sở thích [1] với quy mô làng nhỏ, làng vừa, làng lớn theo dạng co cụm (điểm), chòm xóm (tụm 5, tụm 3 giữa đồng ruộng) dạng tuyến, dạng dải... bao quanh làng có hào sâu và lũy tre, mang tính hướng nội rất cao. Làng lập với nhiều tiêu chí: nhất cận thị (chợ); nhị cận giang (sông), tam cận điền (ruộng), tứ cận lộ (đường đi), ngũ cận lân (bến đò, bến xe) và gôi sơn (làng hướng Bắc có núi); đạ thủy (phía Nam có sông hồ); ưu Nam (làng đặt theo hướng Nam - Bắc); thoảng lộ (phía trước làng phải có đường đi chính). Hình thái làng của người Kinh rất đa dạng: làng ven đồi; làng ven sông - ven đồi; làng ven sông, làng ven biển; làng trên sông (vạn chài)... Riêng ở vùng ven biển. HTQH làng chạy song hành với đê và tạo ra chuỗi điểm (Hình 1).

3.1.2 Nhà ở truyền thống

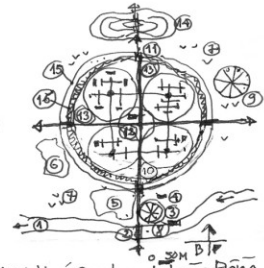
KTTT ở vùng đồng bằng châu thổ rất đa dạng và có nhiều giá trị về chủng loại nhà, cách tổ hợp nhà: nhà 3 gian 2 chái; nhà 5 gian 2 chái; nhà 1 thò 2 thụt; nhà 2 thò 1 thụt,... và nhất là giá trị về hệ thống mô đun hóa tháo lắp, di chuyển dễ dàng mỗi khi gặp sự cố. Khuôn viên ở tổ chức chặt chẽ theo dạng: V.A.C (vườn, ao, chuồng); VACĐ (vườn, ao, chuồng, đồi) và trang trại (Hình 1).



Hình thái quy hoạch làng bản của Người Thái ở Phong Thổ, Lai Châu (Nguồn: Tác giả)
1- Suối 2- Ruộng 3- Xa quay nước
4- Đường đi 5- Nhà Tộc trưởng
6- Hàng rào 7- Khuôn viên



Hình thái quy hoạch Làng Gia Định Trung Du Bắc Bộ (Nguồn: Tác giả)
1- Suối 2- Ruộng nước 3- Ruộng nương
4- Đường đi 5- Trung tâm tâm linh



Hình thái quy hoạch Làng Đông bằng Bắc Bộ (Nguồn: Tác giả)
1- Sông 2- Cầu 3- Cây đa đầu làng
4- Miếu, quán 5- Chỗ bán hàng
6- Ruộng 7- Bến đò 8- Cây đa cuối làng
9- Cổng Nam 10- Cổng Bắc 11- Cổng Đông 12- Cổng Tây
13- Ao làng 14- Núi 15- Hào 16- Lũy tre



Kiến trúc nhà ở Thái ở Tây Bắc (Nguồn: Tác giả)



Kiến trúc vườn đồi vùng Trung Du (Nguồn: Tác giả)



Kiến trúc nhà ở truyền thống vùng Châu thổ sông Hồng (Nguồn: Tác giả)

Hình 1. HTQH và KTTT vùng Bắc Bộ

3.2 Vùng Trung Bộ

3.2.1 Hình thái quy hoạch

Tại các vùng cao, cách cư trú, HTQH cũng giống như ở vùng cao Tây Bắc Bộ. Riêng KTTT có khác nhau chút ít.

Ở các vùng đồng bằng hạ lưu các dòng sông lớn, đặc biệt là ở Nghệ An và Hà Tĩnh HTQH theo dạng dải - cụm, song hành với đê quai và dòng sông. Tổ chức thiết kế xã hội làng xã chủ yếu theo dòng họ, theo lối xóm và theo khoa bảng. Cấu trúc làng theo hình xương cá, có trục làng ngõ, lối vào nhà. Làng không có lũy tre, hào sâu, cổng như ở phía Bắc, nên làng được gọi là làng mở, hướng ngoại. Quy mô làng chủ yếu trung bình và lớn.

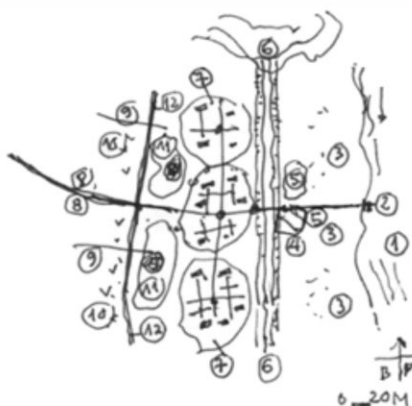
Ở Tây Nguyên, các plây (buôn) được hình thành theo thiết chế tổ chức xã hội rất chặt chẽ: theo dòng tộc. Hình thái buôn làng cũng rất đa dạng: buôn bên sông, suối, mặt chính làng quay về hướng Đông. Trái tim của buôn là nhà Rông. Tổ chức làng: buôn bên suối, sau lưng là rừng. Quy mô của buôn chủ yếu từ 10 đến 50 hộ.

Ở các vùng Nam Trung Bộ các plây (Phum) được hình thành theo thiết chế tổ chức xã hội chặt chẽ: thị tộc. HTQH buôn làng chủ yếu theo dạng vòng tròn, nhà người mẹ đặt ở giữa, nhà các con bao quanh. Plây bao quanh là hang phi lao, có cổng, mục đích chống cướp con gái [2]. Phum có quy mô nhỏ từ 10 đến 30 nóc nhà (Hình 2).

3.2.2 Nhà ở truyền thống

Tổ chức nhà ở thường tổ hợp nhà theo gian, chái: nhà 2 gian 2 chái; nhà 3 gian 1 hay 2 chái, nhà 5 gian 1 hay 2 chái với 3 dạng nhà chính: nhà tứ trụ, nhà hạ lẫm và nhà giao nguyên (kè) [2]. Riêng ở Huế có nhà vườn và ở Quảng Nam có nhà rường rất đặc biệt. Cách tổ chức không gian sống trong nhà cũng rất khác ngoài Bắc: Ngoài Bắc đặt bàn thờ, tiếp khách ở gian giữa theo cơ số lẻ 3, giường ngủ đặt hai bên. Còn ở đây tổ hợp theo cơ số chẵn, phòng khách, thờ, ngủ đặt 2 gian ở phía đầu hồi Tây... Còn tổ chức khuôn viên ở thường tổ chức ngôi nhà ở chính giữa chênh 15° so với hướng Đông Tây và phía Tây đầu hồi nhà cũng như phía Nam có tổ chức ao nhà để tránh gió Lào.

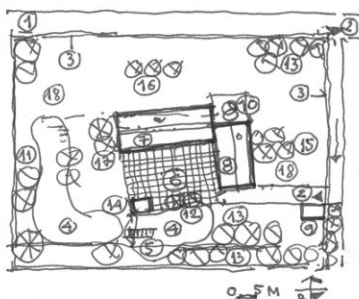
Ở Tây Nguyên, có những nhà ở của tộc người Ê Đê còn do thị tộc quyết định nên nhà ở rất dài chứa nhiều thế hệ trong đó. Ở Nam Trung Bộ, nhà ở chủ yếu là một tầng, đắp đất kín, cột kèo bằng gỗ, ứng xử tốt với môi trường khô nóng (Hình 2).



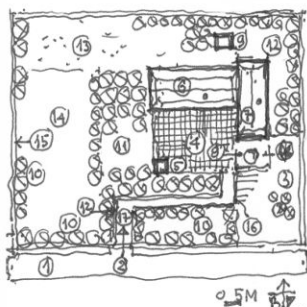
Hình thái quy hoạch 2 bên bờ Hạ Lưu sông Lam - Xã Khánh Sơn, Nam Đàn, Nghệ An (Nguồn: Tác giả)
1-Sông Lam 2-Bến đò 3-Soi, bãi bồi 4-Đê 5-Chợ 6-Núi 7-Thôn, xóm 8-Đường làng 9-Đường thôn 10-Ruộng 11-Ao làng 12-Kênh mương nước



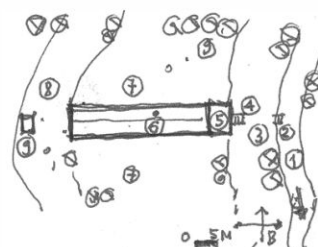
Hình thái quy hoạch dọc bờ sông Hương, Thừa Thiên-Huế (Nguồn: Tác giả)
1-Sông Hương 2-Đê 3-Bến đò 4-Chợ 5-Đường đi 6-Đình làng 7-Thôn, xóm 8-Trồng Hoa 9-Ruộng 10-Ngõ, lối đi



Khuôn viên ở Truyền thống vùng Nghệ-Tĩnh, Diện tích 500 m² (Nguồn: Tác giả)
1-Đường đi 2-Lối ngõ vào 3-Hàng rào 4-Ao 5-Cầu ao 6-Sân 7-Nhà ở 8-Nhà phụ 9-Nhà vệ sinh 10-Giếng 11-Dây tre 12-Cầu 13-Chuối 14-Thỏ thỏ công 15-Vườn cam 16-Vườn chanh 17-Cây lựu 18-Rau



Khuôn viên ở Truyền thống Nha vườn Kim Long, Huế (Nguồn: Tác giả)
1-Đường đi 2-Lối vào 3-Ao 4-Sân 5-Thỏ thỏ công 6-Nhà chính 7-Nhà phụ 8-Giếng 9-Nhà vệ sinh 10-Cây cau 11-Vườn cây vú sữa 12-Cây Roi 13-Vườn hoa 14-Vườn ổi 15-Hàng rào 16-Hàng rào cây Mãn hảo 17-Lối đi



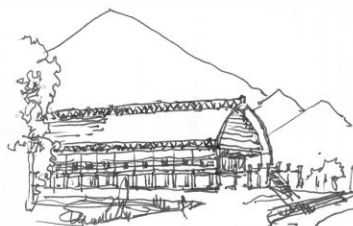
Khuôn viên ở Truyền thống của người Ê Đê, Tây Nguyên (Nguồn: Tác giả)
1-Suối 2-Cầu 3-Không gian sinh hoạt ngoài nhà 4-Cầu thang 5-Không gian sinh hoạt gia đình 6-Nhà ở nhiều phòng 7-Vườn cây 8-Nuôi ngựa 9-Chỗ để cửa Cai



Kiến trúc nhà ở Truyền thống vùng Nghệ-Tĩnh (Nguồn: Tác giả)



Nhà vườn Truyền thống Huế (Nguồn: Tác giả)



Kiến trúc nhà ở Truyền thống người Ê Đê, Kon Tum, Tây Nguyên (Nguồn: Tác giả)

Hình 2. HTQH và KTTT vùng Tây Bắc

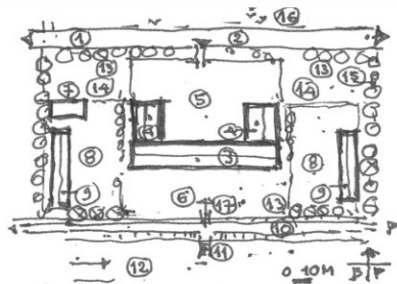
3.3 Vùng Nam Bộ

3.3.1 Hình thái quy hoạch

Do là vùng nước nổi, có mùa gió chướng, nước biển dâng, người Kinh nơi đây vốn là hệ quả của cuộc thiên di lần thứ 2 theo Công thần Nguyễn Hữu Cảnh vào đây khai phá vùng đất cực biên này. Họ có cách tạo ra HTQH làng xã rất đặc biệt: Đê bao theo kênh rạch và bao xung quanh để cho ra đời các làng trong đê với cấu trúc rất sinh động, giống như các làng phía Bắc. Còn tộc người Khơ Me lại có cách tạo ra HTQH làng xã cũng hết sức độc đáo: cù lao (ấp, ụ nổi) giữa sông nước với cấu trúc làng đơn giản, phù hợp với thu hoạch, phơi lúa, tích trữ lúa gạo... (Hình 3).

3.3.2 Nhà ở truyền thống

Còn KTTT rất giàu bản sắc văn hóa bản địa. Nhà ở thường có sàn, trên để ở, dưới có cột chống để tránh lũ, gần giống như nhà sàn. Nhà chủ yếu có 3 gian: gian giữa là thờ cúng, hai gian hai bên để ở, phía sau có gian để nấu nướng (Hình 3).



Khuôn viên Truyền thống Tây Nam Bộ
Diện tích 2000m² (Nguồn Tác giả)
1. Đường đi 2. Lối vào nhà trước 3. Nhà ở 4. Nhà phụ 5. Sân 6. Sân sau 7. Nhà chõ cất thóc giống 8. Sân phơi thóc 9. Nhà kho, Chậu nuôi 10. Đê 11. Cầu 12. Kênh, sông 13. Dừa 14. Rau, mầu 15. Hàng rào 16. Ruộng 17. Lối vào sau nhà



Kiến trúc nhà ở Truyền thống Vùng Tây Nam Bộ (Nguồn: Tác giả)

Hình 3. HTQH và KTTT vùng Nam Bộ



4. Sự giống nhau và khác nhau giữa các vùng miền, về QHKT

4.1 Về Quy hoạch

4.1.1 Giống nhau

- Cấu trúc làng xã chủ yếu dựa trên yếu tố địa hình, kinh tế xã hội;
- Thiết chế làng xã dựa vào yếu tố dòng họ, ngõ xóm;
- Giao thông hình cây, vuông góc, do các cư dân miền trong chủ yếu là người Bắc vào đem theo văn hóa tổ chức làng xã.

4.2.2 Khác nhau

- Tổ chức quy hoạch vùng Bắc Bộ rất chặt chẽ, khép kín, hướng nội, dựa vào các yếu tố như: hào sâu, cổng, lũy tre làng. Còn ở miền trong thì không có cổng, lũy tre làng bao quanh, quy hoạch làng xã được coi là mở.
- Ở phía Bắc, thiết chế làng xã ngoài tổ chức dòng họ, ngõ xóm, còn có tổ chức khoa bảng, phường hội, tự nguyện.

4.2 Về Kiến trúc

4.2.1 Giống nhau

- Kiến trúc chủ yếu là tự xây, tự điều khiển, dân dã, không có bản vẽ, di động và tháo lắp dễ dàng.
- Kiến trúc dùng vật liệu xây dựng tại chỗ.
- Tổ chức mặt bằng kiến trúc theo gian, chái.

4.2.2 Khác nhau

Ở miền Trung trở vào, tổ chức kiến trúc theo cơ sở chẵn (3 gian 1 chái, 3 gian hay 5 gian 1 chái). Còn ở phía Bắc, tổ hợp nhà chủ yếu là cơ sở lẻ (3 gian 2 chái, 5 hay 7 gian 2 chái). Bàn thờ phía Bắc bao giờ cũng đặt ở gian giữa, còn ở miền Trung là ở gian đầu hồi, kết hợp với chái, với cơ sở chẵn. Việc thờ tâm linh cho ông Công, ông Táo đặt ở ngoài sân, phía hướng vào phòng khách, còn ở phía Bắc không có.



5. Kết luận và kiến nghị

- Văn hóa vùng miền chính là văn hóa kiến trúc và ngược lại. Kiến trúc phản ánh tính đặc trưng văn hóa nhất.

- Mỗi vùng miền có ĐKTN, KT - XH khác nhau và cách cư trú khác nhau đã tạo ra nơi ăn chốn ở rất phù hợp, dẫn tới HTQH và KTTT rất khác nhau và đa dạng.

- ĐKTN, KT - XH quyết định nên HTQH và KTTT và là nền tảng cho sự bền vững của kiến trúc Việt Nam qua mỗi thời đại. Tuy nhiên, hiện nay trong quá trình Đô thị hóa tác động rất lớn đến HTQH và KTTT của mỗi vùng miền, bắt buộc phải đi theo những nhịp sống mới của văn hóa kiến trúc hiện đại. Vì thế trong quá trình nghiên cứu thiết kế kiến trúc cho mỗi vùng miền, các KTS cần lồng ghép phát huy các giá trị HTQH và KTTT một cách hợp lý, nhằm gìn giữ bản sắc kiến trúc văn hóa vùng miền.

- Các cấp chính quyền sở tại và Trung ương nên có Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn, quy phạm, quy định để thiết kế HTQH và KTTT cho các vùng miền dựa trên các ĐKTN, KT - XH. Điều này giao cho ngành xây dựng và văn hóa quyết định.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Sỹ Quế (2009), *Quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
2. Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Văn Đình, Nguyễn Hồng Hương (2010), *Lịch sử kiến trúc truyền thống Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.